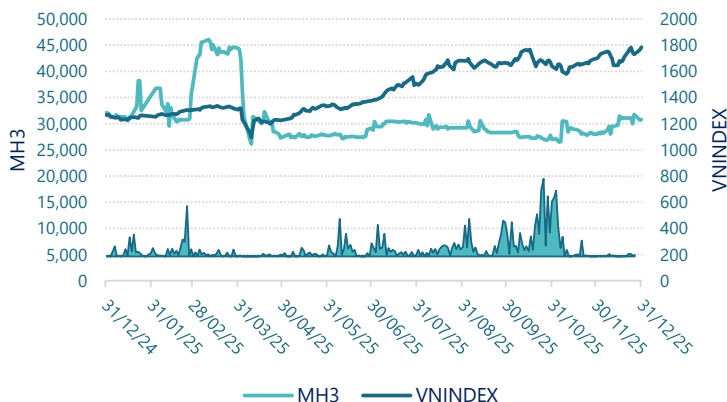




CTCP Khu Công nghiệp Cao su Bình Long (UPCOM: MH3)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	30,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	46,067
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	26,121
SL cổ phiếu LH	24,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,525
% sở hữu nước ngoài	2.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	739
P/E	17.3
EPS	1,776

DT thuần

Q4/25

23.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.00 | -7.8%

YoY: ▼1.60 | -6.4%

LN sau thuế

Q4/25

7.88

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.22 | -34.8%

YoY: ▼1.96 | -19.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

54.8%

+/- YoY: ▼ 6.5%

DT thuần

2025

97.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.20 | 4.4%

LN sau thuế

2025

42.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼3.20 | -6.9%

ROE

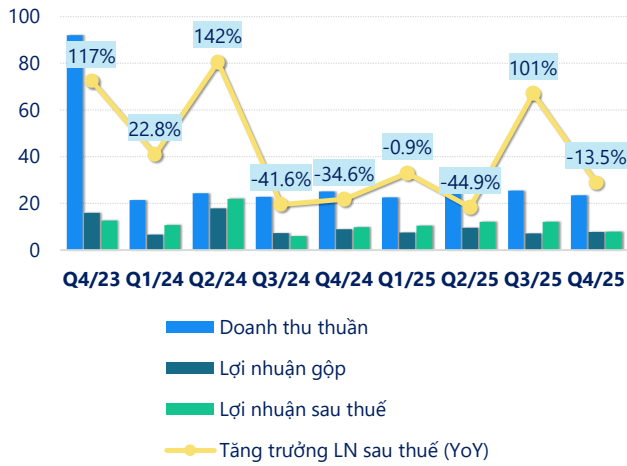
2025

7.6%

+/- YoY: ▼ 0.6%

tỷ VNĐ

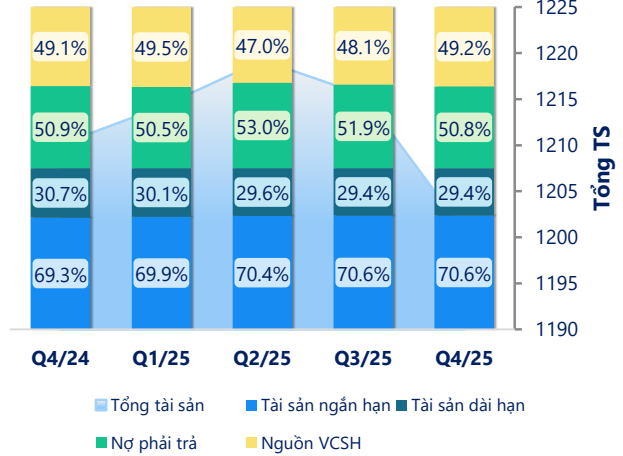
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

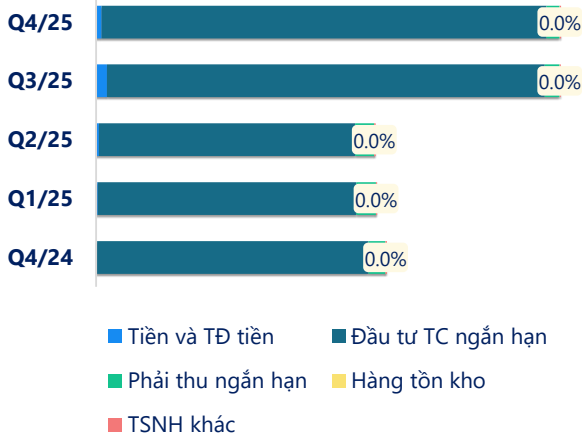
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



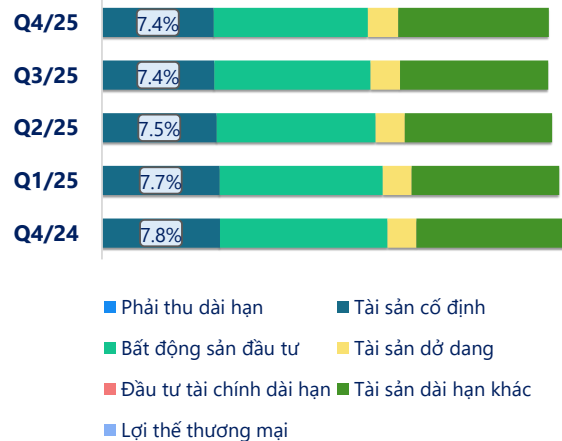
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

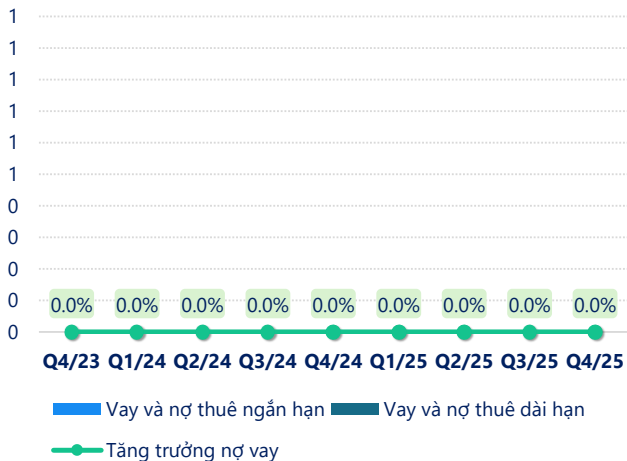
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

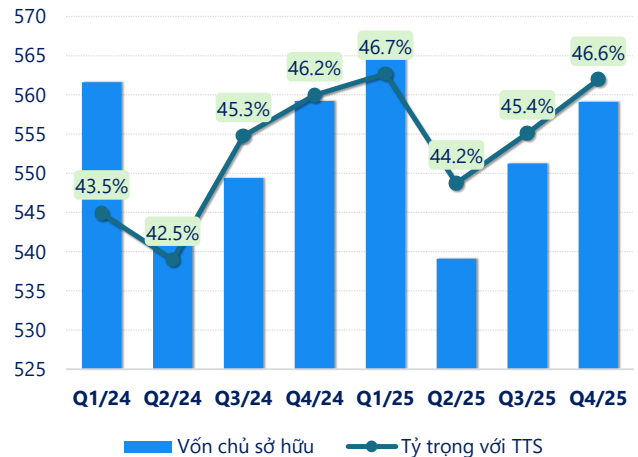
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

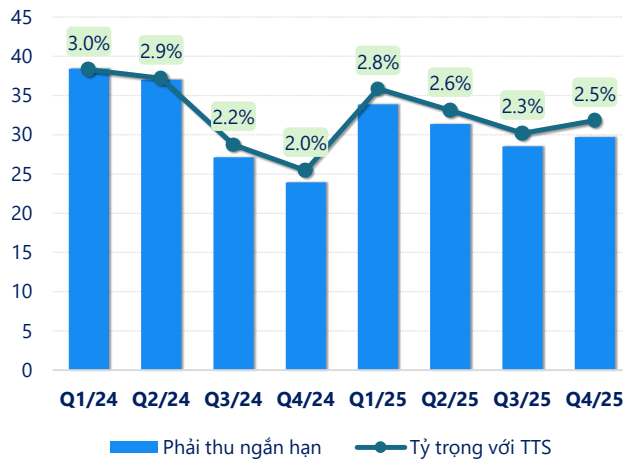
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


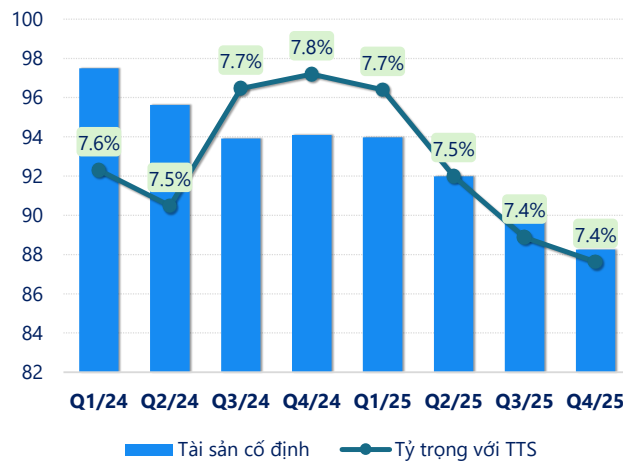
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

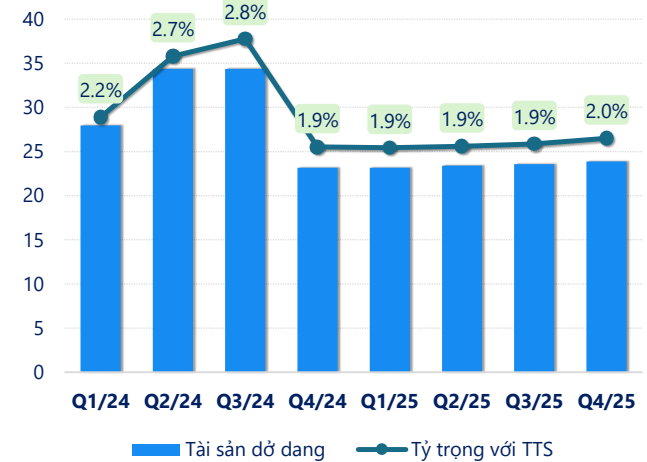

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

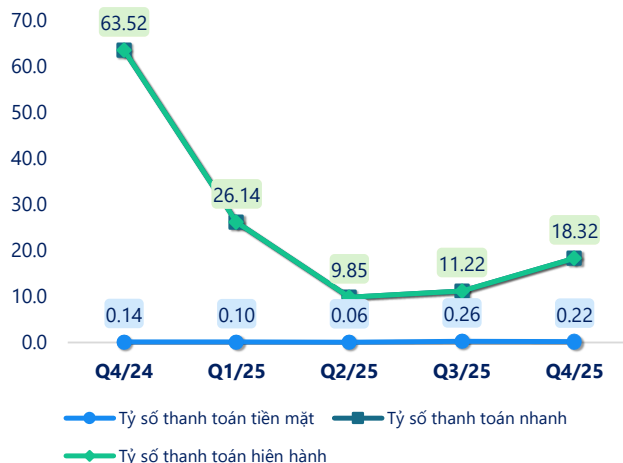
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

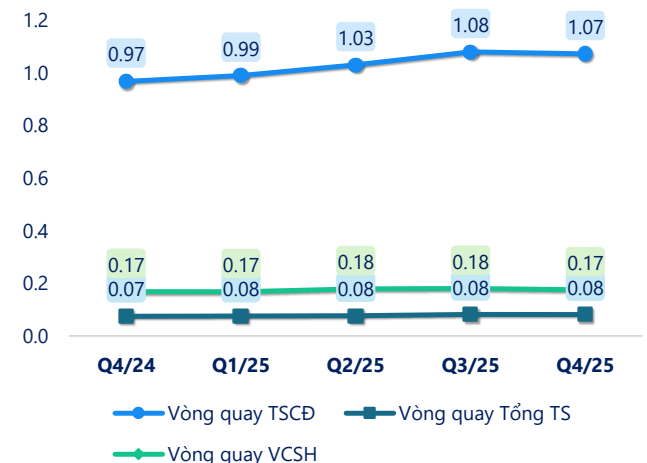
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,210	1,214	1,219	1,215	1,201
Tài sản ngắn hạn	839	849	858	858	848
Tiền và tương đương tiền	1.86	3.11	5.38	19.9	9.97
Đầu tư tài chính ngắn hạn	810	810	820	810	808
Phải thu ngắn hạn	23.9	33.9	31.4	28.5	29.7
Hàng tồn kho	0.37	0.24	0.21	0.19	0.13
Tài sản ngắn hạn khác	2.16	1.54	1.20	0.16	0.16
Tài sản dài hạn	372	365	361	357	353
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	94.1	94.0	92.0	90.0	88.3
Bất động sản đầu tư	133	130	128	125	122
Tài sản dở dang	23.2	23.2	23.4	23.6	23.9
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	121	118	118	119	119
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	616	613	647	631	609
Nợ ngắn hạn	13.2	32.5	87.1	76.5	46.3
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	4.91	5.04	5.42	5.26	5.83
Nợ dài hạn	603	580	559	555	563
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	594	601	573	584	591
Vốn chủ sở hữu	559	567	539	551	559
Vốn điều lệ	240	240	240	240	240
Kinh phí và quỹ khác	35.1	34.3	33.6	32.8	32.1

(Nguồn: fireant.vn)